Chủng tộc và tộc người trên thế giới và ở Việt Nam

Vương Xuân Tình[1]

[1] Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: vxtinh56@yahoo.com

Nhận ngày 9 tháng 2 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tóm tắt: Khoảng một thế kỷ qua, trong khoa học và xã hội đã chuyển từ quan niệm về chủng tộc (race) theo góc nhìn sinh học sang quan niệm về chủng tộc theo cách nhìn của nhân học, tức là chuyển từ quan niệm về chủng tộc sinh học sang quan niệm về chủng tộc xã hội (social race). Cộng đồng thế giới cũng hướng đến quan điểm cho rằng loài người chỉ có một chủng tộc, một dòng máu và chống lại mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Tộc người (ethnicity/ethnic group) về cơ bản được cho là cộng đồng văn hóa. Tuy nhiên, do bối cảnh lịch sử, xã hội đặc thù, nên một số nước xác định thành phần tộc người và chủng tộc chủ yếu dựa vào tự xác định của người dân. Tại Việt Nam, không có vấn đề tiêu cực về chủng tộc, không thừa nhận chủng tộc là yếu tố trong xác định thành phần dân tộc. Thời gian gần đây, do những biến đổi của xã hội, việc xác định lại thành phần một số tộc người và nhóm địa phương cũng đặt ra, song chưa có ý kiến thống nhất.

Từ khóa: Chủng tộc, chủng tộc xã hội, tộc người, Việt Nam.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: For a century or so, scientists and the society have shifted from a biological view of race to an anthropological one, i.e. from the concept of biological races to that of social races. The international community also tends to view that there is only one race, one blood among human beings, and is against all forms of racial discrimination. The ethnicity/ethnic group is basically considered a cultural community. However, due to the specific historical and social context, some countries have identified races and ethnicities mostly by basing on the members' selfidentification. In Vietnam, there are no negative racial issues, and race is not recognised as a factor in determining an ethnicity. Recently, due to the changes in the society, the issue of redefining the composition of some ethnic groups and local groups of ethnicities has been raised, but no consensus has been reached.

Keywords: Race, social race, ethnicity, Vietnam.

Subject classification: Anthropology

1. Mở đầu

Theo quan điểm khoa học và thực tiễn xã hội, chủng tộc và tộc người[2] là hai vấn đề có sự khác biệt về khái niệm, song cũng có điểm tương đồng; có quan hệ mật thiết đến việc nhìn nhận, phân loại, xác định của xã hội hoặc nhà nước về các cộng đồng người. Bởi vậy, không chỉ trong cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, mà ngay cả trong ứng xử của đời sống, trong quản lý xã hội và thực hiện các chương trình, dự án phát triển, việc làm rõ khái niệm và mối quan hệ đó là rất cần thiết. Bài viết này phân tích mối quan hệ giữa chủng tộc và tộc người trên thế giới và Việt Nam, chủ yếu dựa trên cách tiếp cận của nhân học và tiếp cận liên ngành sinh học, xã hội học và văn hóa học.

2. Khái niệm chủng tộc

Đến nay, có hai cách nhìn chủ yếu về chủng tộc, đó là cách nhìn của sinh học (biology, thuộc khoa học tự nhiên), và của nhân học (anthropology, thuộc khoa học xã hội).

2.1. Chủng tộc từ góc nhìn của sinh học

Vào khoảng đầu thế kỷ XX, nhiều người còn cho rằng chủng tộc mang bản chất luận sinh học, là hạt nhân ứng xử và bản sắc của con người [13, tr.299-320]. Khi tiếp cận nghiên cứu đa dạng sinh học của loài người, các nhà khoa học thường có hai hướng chính. Một là tiếp cận phân loại chủng tộc (racial classification). Hướng tiếp cận này đã bị phê phán nặng nề. Hai là tiếp cận giải thích (explanatory approach). Thay vì phân loại chủng tộc, các nhà khoa học hướng đến giải thích sự khác biệt của con người về sinh học và cách này ngày càng thuyết phục [17, tr.137].

Theo một quan điểm sinh học, nhân loại hiện nay có nguồn gốc từ một loài duy nhất - loài Homo sapiens L [7]. Phân cấp trực tiếp dưới loài là các chủng tộc. Theo đó, chủng tộc là những nhóm người có đặc trưng hình thái giống nhau được di truyền. Vẫn dưới tiếp cận sinh học, có thể nhìn nhận chủng tộc từ hai khía cạnh, đó là nhiễm sắc thể [23] và sinh học thể chất [18]. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng, trong quá trình hình thành các chủng tộc, khu vực địa lý cũng có vai trò quan trọng [6, tr.41-42], [28].

Để phân loại chủng tộc, có quan điểm xác định loài người thuộc ba đại chủng tộc, đó là Đại chủng Xích đạo hay Úc - Phi (Negro-Australoid), Đại chủng Âu (Oproloid) hay Âu - Á (Oradien), và Đại chủng Á (Mongoloid) [6, tr.48-56]. Lại có quan điểm cho rằng, loài người thuộc bốn chủng tộc: Trắng, hay là người Caucasus (Caucasian); Đen, hay là người Châu Phi (African); Vàng, hay là người Châu Á (Asian); và Đỏ, hay là thổ dân Mỹ (Native American) [37].

Khi xác định sự khác biệt về chủng tộc, các nhà khoa học thường căn cứ vào 12 yếu tố: (1) cấu tạo của sắc tố; (2) dạng tóc; (3) mức độ của lớp lông thứ ba trên cơ thể; (4) trắc diện mặt; (5) hình dạng mắt; (6) hình dạng mũi; (7) hình dạng môi; (8) hình dạng đầu; (9) tầm vóc; (10) tỷ lệ thân hình; (11) răng; (12) vân tay. Sự khác biệt của ba hay bốn đại chủng chủ yếu được so sánh qua 12 yếu tố nêu trên [6, tr.45-48].

Cách phân loại chủng tộc ngày càng bị các nhà khoa học và xã hội phản đối. Theo nhiều ý kiến, cơ sở khác biệt giữa các chủng tộc là gien, chứ không phải là hình thể. Song, nếu căn cứ vào gien, nhân loại giống nhau đến 94% và chỉ có 6% khác biệt. Nhiều người cho rằng, sự phân loại chủng tộc có

gốc nguồn của chủ nghĩa thực dân Châu Âu. Việc phân loại này đã cổ súy cho chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, có 11 triệu người Do Thái, Châu Phi, Ấn Độ và đồng giới bị phát xít Đức giết hại do nạn phân biệt chủng tộc, coi họ thuộc loại hạ đẳng. Đến nay ở một số nước, quan điểm về chủng tộc dưới góc độ sinh học bị đả phá mạnh mẽ và chỉ còn xem như huyền thoại [32]. Tiếng nói chung của cộng đồng thế giới là quan điểm cho rằng loài người chỉ có một chủng tộc, một dòng máu [15] và phải chống mọi hình thức phân biệt chủng tộc [42].

2.2. Chủng tộc từ cách nhìn của nhân học (chủng tộc xã hội)

Chủng tộc xã hội là khái niệm được sử dụng phổ biến ở một số nước, nhất là Mỹ. Theo đó, cái gọi là "chủng tộc" với các sắc trắng, đen, vàng, nâu mà chúng ta nghe nói hàng ngày không phải sinh học, không phải dựa trên phân loại của khoa học hay các cấp quản lý, mà là sự lựa chọn văn hóa, được cấu trúc bởi xã hội hay mang tính xã hội. Nói cách khác, đó chỉ là sự dán nhãn (label) của xã hội.

Khái niệm "chủng tộc" theo nghĩa sinh học chỉ là huyền thoại còn bởi dòng giống loài người đã hỗn huyết, đặc biệt ở xã hội hiện đại. Một đứa trẻ sinh ra từ bố da đen và mẹ da trắng sẽ mang 50% gien bố và 50% gien mẹ, nhưng trong văn hóa Mỹ vẫn coi đứa trẻ đó là người da đen. Quan niệm này là tùy tiện, bởi nếu theo cách phân loại gien, đứa trẻ có thể là người da trắng. Tóm lại, theo quan điểm hạ cấp "chủng tộc" (hypodescent) vẫn thường áp dụng với đứa trẻ sinh ra, "chủng tộc" của đứa trẻ được xác định thuộc về "chủng tộc" của bố hay mẹ bị coi là thiểu số [17, tr.139].

3. Khái niệm tộc người

Thuật ngữ tộc người, theo Wan và Vanderwerf [44], chỉ mới phổ biến sau thập kỷ 70 của thế kỷ XX, còn trước đó, giới học thuật chủ yếu dùng khái niệm bộ tộc (tribe) hay chủng tộc (race). Tuy nhiên, chủng tộc có liên quan đến tộc người. Phần lớn ở Bắc Mỹ, tộc người được dùng để chỉ nhóm thiểu số như người Việt Nam, người Châu Phi. Nhiều học giả Anh lại quan niệm, tộc người thuộc về dân tộc thiểu số (ethnic minority). Với truyền thống ở Châu Âu, tộc người thuộc về một nhóm nào đó, bởi vậy, các học giả thường hay sử dụng khái niệm "nhóm tộc người" (ethnic group).

Đến nay, việc xem xét về tộc người thường xuất phát từ ba lý thuyết; đó là khởi nguyên luận, công dụng luận, cấu trúc luận [44]. Khởi nguyên luận (primordialist theories) cho rằng, tộc người của mỗi người được ấn định từ khi sinh ra; và việc xác định tộc người dựa trên cơ sở mối liên hệ gốc với nhóm hoặc văn hóa. Công dụng luận (instrumental theories) xác định, tộc người được dựa trên cơ sở ký ức và biểu tượng; đôi khi bị người khác thúc đẩy, sử dụng và khai thác nhằm mưu cầu lợi ích của họ. Cấu trúc luận (constructivist theories) giải thích, tộc người đôi khi không phải là "quá trình" mà là con người được "cấu trúc" trong bối cảnh lịch sử, xã hội đặc biệt để hướng tới mối quan tâm của riêng họ nên hay thay đổi và mang tính chủ quan.

Có thể nói, mỗi lý thuyết đều có mặt mạnh, mặt yếu và nếu tuyệt đối hóa một lý thuyết nào đó sẽ dẫn đến những bất cập. Bởi vậy, Yang [31, tr.48-56] đã đề xuất cách tiếp cận kết hợp (integrated approach) để lựa chọn những điểm hợp lý của từng lý thuyết, với bốn điểm quan tâm như sau: (1) tính tộc người có liên hệ với tổ tiên. Sự lựa chọn tộc người phải theo tổ tiên mình, chẳng hạn người Nhật không thể chọn người Pháp là ông tổ; (2) tộc người được cấu trúc bởi xã hội; (3) lợi ích của thành viên tộc người gắn với xác định tộc người, vì vậy, ảnh hưởng của lợi ích đến việc xác định ấy là điều có thể; (4) ranh giới tộc người là có thực, song thay đổi qua thời gian.

Vậy tộc người là gì? Sự đa dạng về cách tiếp cận và lý thuyết cũng dẫn đến những định nghĩa khác nhau.

Có thể dẫn một quan điểm được nhiều người coi như kinh điển của Weber [30, tr.389]: tộc người là tập đoàn người "nuôi dưỡng niềm tin chủ quan về nòi giống chung bởi tương đồng về hình thể hay tập quán, hoặc cả hai; hoặc do ký ức về chủ nghĩa thực dân hay di cư". Quan điểm này của Weber còn được người đi sau kế tục và phát triển [16]. Trong số các định nghĩa dựa trên nền tảng của Weber, đáng lưu ý là quan điểm của Smith [25, tr.21]. Theo tác giả, tộc người là một cộng đồng gồm 6 thuộc tính, đó là: (1) có tên được xác định; (2) có huyền thoại về tổ tiên; (3) có sự chia sẻ về ký ức lịch sử; (4) có một hoặc nhiều yếu tố khác biệt với văn hóa chung; (5) có sự đồng cảm về "quê hương"; (6) có ý thức đoàn kết trong cộng đồng.

Ở Liên Xô (cũ), các học giả thừa nhận tộc người là một cộng đồng có bản sắc riêng, cùng chia sẻ những đặc điểm cơ bản như tên gọi riêng, ngôn ngữ, lãnh thổ, những đặc điểm về tinh thần, văn hóa và nếp sống hàng ngày, cũng như một số hình thái đặc biệt về tổ chức lãnh thổ - xã hội, hay một định hướng để tạo nên đặc trưng nào đó [1, tr.131-146]. Có thể tham khảo một định nghĩa của Bromley: "Tộc người là một tập đoàn người ổn định được hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định, có những đặc điểm văn hóa chung tương đối ổn định (gồm cả ngôn ngữ) và tâm lý, đồng thời có ý thức về sự thống nhất của mình và sự khác biệt với cộng đồng tương tự khác (ý thức tự giác) được biểu hiện ở tên tự gọi" [5, tr.73].

Như vậy, về khái niệm tộc người, điểm tương đồng của các nhà dân tộc học Xô viết với các học giả Bắc Mỹ và Tây Âu là đều chú trọng yếu tố bản sắc văn hóa. Song giữa họ có điểm khác biệt: các nhà dân tộc học Xô viết cho rằng lãnh thổ có vai trò nhất định tạo nên tộc người, và không ghi nhận khía cạnh nhân chủng trong định nghĩa về tộc người như một số học giả thuộc Tây Âu và Bắc Mỹ.

Khi nói đến khái niệm tộc người trên thế giới, cần làm rõ thêm các khái niệm khác liên quan, đó là nhóm thiểu số (minorities) và người bản địa (indigenous people).

Theo Petričušić [21], mặc dù được thảo luận rất nhiều, và Liên Hợp Quốc đã có tuyên ngôn về quyền của nhóm tộc người vào năm 1992, song vẫn chưa có khái niệm thống nhất về nhóm này. Còn Papoutsi [20, tr.305-345] lại cho rằng từ năm 1950, Tiểu ban Chống phân biệt và bảo vệ nhóm thiểu số của Liên Hợp Quốc tuy chưa có định nghĩa, nhưng đã xác định nhóm tộc người có 3 điểm như sau: (1) nhóm không có ưu thế, với nhu cầu được bảo vệ sự bền vững về truyền thống của tộc người, tôn giáo hoặc

ngôn ngữ hay những đặc điểm khác biệt so với cư dân khác; (2) nhóm cá nhân có khả năng tự bảo vệ truyền thống hay đặc điểm của mình; (3) nhóm thiểu số phải trung thành với quốc gia mà họ sinh sống. Liên Hợp Quốc cho biết, trên thế giới 1020% cư dân là người thiểu số, với khoảng từ 600 triệu đến 1,2 tỉ người. Đây là nhóm cần được quan tâm, nên vào năm 1992, tổ chức này đã ra *Tuyên ngôn về quyền của những người thuộc các tộc người, tôn giáo và ngôn ngữ thiểu số* [26].

Trong phạm vi của nhóm thiểu số, còn có người bản địa. Theo Liên Hợp Quốc, người bản địa là những người: (1) có nền văn hoá riêng; (2) có đặc điểm khác biệt về kinh tế và xã hội; (3) có đất đai và nguồn tài nguyên truyền thống, và (4) ít thuận lợi trong phát triển và dễ bị tổn thương. Như vậy, khái niệm nhóm thiểu số rộng hơn người bản địa. Bởi thế, Liên Hợp Quốc xác định trên thế giới chỉ có khoảng 370 triệu người bản địa, và người bản địa được coi thuộc nhóm thiểu số. Năm 2007, Liên Hợp Quốc đã ra *Tuyên ngôn về quyền người bản địa*. Bản Tuyên ngôn gồm 46 điều và trong các điều, ngoài thể hiện những quyền chung như quyền được sống, quyền tự do, bình đẳng, đã đề cập tới nhiều quyền cụ thể khác.

4. Xác định chủng tộc và tộc người trên thế giới

Như đã trình bày, nếu theo khái niệm chủng tộc sinh học, thì chủng tộc liên quan chủ yếu đến sự khác biệt về hình thể của con người; còn tộc người chủ yếu liên quan đến sự khác biệt văn hóa. Tuy nhiên, khi nhìn nhận dưới góc độ chủng tộc xã hội, chủng tộc và tộc người lại có những điểm tương đồng. Ở một số nước, trong phạm vi nào đó, chủng tộc cũng được coi như tộc người [17, tr.138]. Còn dưới góc độ chủng tộc xã hội, có nhiều điểm tương đồng với tộc người.

Do chủng tộc và tộc người có vị trí nhất định trong đời sống xã hội, nên rất nhiều nước trên thế giới xác định thành phần chủng tộc và tộc người. Báo cáo phân tích thuộc Liên Hợp Quốc vào năm 2003 cho biết: trong bảng hỏi điều tra dân số của 147 nước, có 95 nước (65%) thực hiện điều tra liên quan đến tộc người và chủng tộc [27]. Tùy theo chính sách dân tộc, mỗi nước có cách xác định thành phần tộc người khác nhau. Chẳng hạn, việc xác định tộc người/chủng tộc tại Mỹ chưa được thể chế hóa ở cấp cơ quan lập pháp, bởi ngoài giải quyết vấn đề tộc người bản địa (thổ dân da đỏ hay cư dân vùng Alaska), chỉ được sử dụng để giải quyết một số lĩnh vực dân sự và quyền công dân như chứng minh thư, điều tra tội phạm, giáo dục, bảo vệ văn hóa bản địa [33]. Phần lớn các nước khác khi xác định thành phần tộc người cũng có mục đích tương tự [34]. Trong khi đó, việc xác định thành phần tộc người ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lại nhằm phục vụ chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các tộc người và quản lý mối quan hệ dân tộc.

Về cách thức xác định thành phần tộc người và chủng tộc, có thể chia thành ba loại (hay mức độ) sau đây.

Thứ nhất, dựa trên kết quả điều tra của nhà nước kết hợp với tự xác định của cộng đồng và cá nhân. Cách thức này thấy ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Tại Liên Xô (cũ), trên cơ sở xây dựng bốn tiêu chí về tộc người (cùng cư trú trên một phạm vi lãnh thổ nhất định; cùng nói một ngôn ngữ nhất định; có chung các đặc điểm văn hóa; và có cùng ý thức tộc người hay tự giác tộc người), các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu, trong đó có tham vấn ý kiến của cộng đồng và người dân, để xây dựng danh mục về các tộc người. Năm 1927, Liên Xô (cũ) công bố thành phần dân tộc toàn Liên Xô gồm 169 tộc người [5, tr.122]. Theo số liệu của cuộc điều tra dân số năm 1989: trước khi sụp đổ, Liên Xô (cũ) có 113 tộc người từ 1.000 người trở lên, trong đó, 21 tộc người có từ 1 triệu người trở lên [39].

Ở Trung Quốc, để xây dựng tiêu chí xác định thành phần tộc người, giới khoa học và những người có trách nhiệm chú trọng đến vấn đề nguồn gốc [3, tr.51-59]. Theo nghiên cứu của Wang [29] và một số tác giả khác [19, tr.1-17; 46], "Dự án xác định thành phần tộc người" ở Trung Quốc được tiến hành từ những năm 1950, đến những năm 1980 mới hoàn thành. Trong giai đoạn 1, với cuộc điều tra dân số năm 1953, có 400 nhóm tộc người được tự xác định. Song, theo quy chế bầu cử của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội), có 150 ghế được dành cho đại diện các dân tộc thiểu số, bởi vậy, phải xác định lại số tộc người để phù hợp với bối cảnh [19, tr.3941]. Tuy nhiên, do tiêu chí không thống nhất, nên đến tổng điều tra dân số năm 1964, số dân tộc thiểu số được xác định vẫn tới 183 tộc người. Giai đoạn 2 đến những năm 1980 mới tiếp tục triển khai vì ảnh hưởng của Đại cách mạng văn hóa. Trong giai đoạn này, các tiêu chí xác định thành phần tộc người được thống nhất, trong đó chú trọng tiêu chí ngôn ngữ, lãnh thổ và nguồn gốc lịch sử. Đến những năm 1990, số lượng các tộc người ở Trung Quốc mới chính thức được xác định là 56, trong đó tộc người Hán là đa số, còn 55 tộc người là thiểu số [29], [19, tr.1-17, 46].

Tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, việc xác định thành phần tộc người chịu ảnh hưởng của các nước Liên Xô (cũ), Trung Quốc và Việt Nam. Các nhà khoa học và những người có trách nhiệm ở Lào đã xây dựng ba tiêu chí để xác định tộc người: (1) thống nhất về ngôn ngữ; (2) thống nhất về đời sống vật chất và tinh thần; (3) thống nhất về nguồn gốc và di cư. Trước khi thực hiện nghiên cứu có quy mô lớn để xác định thành phần tộc người vào năm 1999, cuộc điều tra dân số các năm 1983-1985 xác định, nước Lào có tới 850 tộc người. Đến cuộc điều tra dân số năm 1995, số tộc người giảm xuống 47. Vào năm 1999, Ban Dân tộc của Mặt trận Lào xây dựng đất nước đã xác định thêm 2 tộc người, nâng tổng số lên 49 tộc người [22, tr.175-197].

Thứ hai, dựa trên sự tự xác định của cá nhân, với sự hướng dẫn của nhà nước. Cách xác định này khá đơn giản và nhiều khi khó phân biệt giữa chủng tộc với tộc người [14, tr.9]. Chẳng hạn, tại Anh, đến cuộc điều tra dân số năm 1991, lần đầu tiên nội dung điều tra về tộc người mới được thực hiện, trong đó, có 90% tự xác định là người Anh da trắng, chỉ 10% tự xác định là các tộc người thiểu số. Đến năm 2011, tỉ lệ tộc người thiểu số tăng lên 14% dân số và có hơn 1 triệu người của nước Anh tự khai là lai chủng (mixed race) [35]. Ở Mỹ, khung điều tra có liên quan đến 7 nhóm chủng tộc/tộc người gồm: (1) cư dân bản địa Mỹ (người da đỏ, người vùng Alaska); (2) người Châu Á; (3) người da đen, người Mỹ gốc Phi; (4) người Hawaii bản địa, thổ dân vùng đảo Thái Bình

Dương; (5) người da trắng; (6) Người Tây Ban Nha, gốc La tinh; (7) người không phải gốc Tây Ban Nha hay La tinh[3]. Đến cuộc điều tra dân số năm 2000, lần đầu tiên công dân Mỹ được tự xác định thuộc nhiều hơn một chủng tộc/tộc người.

Theo báo cáo của nhóm phân tích thuộc Liên Hợp Quốc năm 2003 [27], khảo sát 147 nước điều tra dân số vào năm 2000, có 54% số nước có câu hỏi về tộc người, 12% số nước có câu hỏi về chủng tộc, còn lại là các câu hỏi liên quan đến nguồn gốc tộc người, quốc tịch, bộ tộc, đẳng cấp… Tuy nhiên, những nước như Mozambique, Nam Phi hay Zimbabwe, tuy đặt câu hỏi về tộc người, nhưng lại chấp nhận câu trả lời về chủng tộc. Báo cáo còn cho biết, có 11 nước (trong đó có Canada và Mỹ) đặt câu hỏi điều tra về chủng tộc. Trong số 11 nước đã nêu, 4 nước coi khái niệm chủng tộc và khái niệm nguồn gốc tộc người (ethnic origin) là một. Còn trong báo cáo năm 2017 về tìm hiểu vấn đề tộc người và chủng tộc tại Liên minh Châu Âu (EU), Farkas [14, tr.11] cho biết, ba tổ chức gồm: Hướng dẫn về bình đẳng chủng tộc (RED), Công ước quốc tế về xóa bỏ phân biệt chủng tộc (ICERD) và Khảo sát xã hội Châu Âu (ESS), từng xem xét về nguồn gốc chủng tộc; tương tự, năm tổ chức gồm: RED, ICERD, ESS, Phong vũ biểu Châu Âu (EB) và Khảo sát về thiểu số và phân biệt đối xử của Liên minh Châu Âu (EU-MIDIS), xem xét về nguồn gốc tộc người. Ngoài ra, nhiều nước của EU còn có chính sách hoặc tổ chức nghiên cứu liên quan.

Thứ ba, dựa trên tự xác định của cá nhân và cộng đồng, với sự trợ giúp của nhà nước. Về loại hình này có thể lấy ví dụ qua trường hợp xác định thổ dân da đỏ và người bản địa vùng Alaska ở Mỹ. Trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ Mỹ, Vụ Thổ dân (Bureau of Indian Affairs) thuộc Bộ Nội vụ (U.S. Department of the Interior). Đến nay, Vụ Thổ dân đã thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến gần 1,9 triệu người da đỏ và người bản địa vùng Alaska; công nhận 567 bộ lạc của các cư dân đã nêu. Vụ cũng chịu trách nhiệm về hành chính và quản lý 55 triệu mẫu Anh (acres) diện tích bề mặt, 57 triệu mẫu dưới lòng đất thuộc các mỏ khoáng sản của cư dân da đỏ và người bản địa vùng Alaska do Chính phủ ủy thác (held in trust)[4]. Bên cạnh Vụ Thổ dân, Vụ Giáo dục thổ dân cũng thuộc Bộ Nội vụ. Một trong những chính sách quan trọng đối với thổ dân là chính sách, mà theo đó Chính phủ liên bang thỏa thuận chi trả lợi ích quá khứ cho những bộ lạc do việc chiếm đóng đất đai và khai thác tài nguyên của họ. Các thành viên bộ lạc được hưởng lợi từ bán hoặc cho thế chấp tài nguyên (như gỗ, dầu, khí ga, thủy điện), hoặc từ lợi ích kinh doanh hay dịch vụ của bộ lạc. Bộ lạc chia lợi ích này cho thành viên theo tháng, quý hay năm nếu các thành viên tán thành.

Tình trạng nêu trên khiến nhiều người có nguyện vọng được công nhận là thổ dân. Tuy nhiên, để xác định thành phần thổ dân (gắn với lợi ích của các cá nhân), Vụ Thổ dân không trực tiếp thực hiện mà chỉ hướng dẫn, cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở nguyện vọng của cá nhân, việc quyết định cuối cùng thuộc quyền của bộ lạc da đỏ hay cộng đồng làng của cư dân Alaska bản địa. Khi một cá nhân trở thành thành viên của cộng đồng nêu trên, ngoài trách nhiệm, họ sẽ được hưởng lợi ích về tài sản của cộng đồng và các lợi ích khác do Chính phủ quy định [43].

5. Xác định chủng tộc và tộc người ở Việt Nam

Theo các nhà nghiên cứu về nhân chủng và dân tộc học, các tộc người ở Việt Nam và khu vực Đông Dương thuộc hai tiểu chủng Nam Á và Anh đô nê diêng (của đại chủng Mongoloid). Những tộc người sinh sống lâu đời tại vùng Trường Sơn - Tây Nguyên (như Bru-Vân Kiều, Tà-ôi, Xơ-đăng, Mnông, Ê-đê, Gia-rai) là di duệ của tiểu chủng Anh đô nê diêng ; có các đặc điểm hình thể như da sẫm, tóc xoăn, tầm vóc thấp. Các tộc người như Kinh (Việt), Mường, Tày, Thái là di duệ của tiểu chủng Nam Á; có màu da sáng hơn, tóc thẳng, tầm vóc cao hơn [6, tr.56-58]. Do đặc điểm cư trú và lịch sử, cư dân ở Việt Nam ít có vấn đề tiêu cực liên quan đến chủng tộc.

Về tộc người, trong khái niệm và xác định thành phần dân tộc, các nhà dân tộc học Việt Nam chỉ tập trung vào yếu tố văn hóa, không đề cập yếu tố chủng tộc. Với khái niệm tộc người, các nhà khoa học thống nhất cho rằng, "cộng đồng tộc người là một tập đoàn người tương đối ổn định, được hình thành trong quá trình lịch sử dựa trên những mối liên hệ chung về địa vực cư trú, sinh hoạt kinh tế, tiếng nói, những đặc điểm sinh hoạt - văn hóa, và dựa trên ý thức, thành phần và tên gọi dân tộc chung" [4, tr.10-18].

Để xác định thành phần tộc người (thường được gọi là "xác định thành phần dân tộc"), một trong những vấn đề then chốt là phải xây dựng tiêu chí. Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã phối hợp với các ngành liên quan để xây dựng ba tiêu chí trong xác định thành phần dân tộc. Theo đó, một cộng đồng được coi là một tộc người cần phải: (1) có chung tiếng nói (ngôn ngữ); (2) có chung đặc điểm văn hóa; và (3) có chung ý thức tự giác, tự nhận cùng một dân tộc.

Trong quá trình thực hiện điều tra, xác định thành phần tộc người, cán bộ của Viện Dân tộc học cùng các nhà ngôn ngữ học đã đi thực địa để gặp gỡ, trao đổi với người dân; nhiều cuộc hội thảo được tổ chức ở địa phương để lấy ý kiến của cán bộ và nhân dân. Trên cơ sở kết quả của cuộc điều tra, xác định này, năm 1979, Tổng cục Thống kê đã ra Quyết định số 126-TCTK/PPCĐ ban hành bản *Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam* với 54 dân tộc, trong đó một dân tộc - dân tộc Kinh (Việt) - là dân tộc đa số, các dân tộc còn lại là dân tộc thiểu số. Trong 54 dân tộc, có dân tộc còn được xác định với hàng chục nhóm địa phương; và nếu tính chung, có tới trên 300 nhóm địa phương thuộc các tộc người ở nước ta [2, tr.58-63].

Vào khoảng cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, ở một số tộc người đã xuất hiện nhóm địa phương muốn tách thành tộc người riêng. Đó còn chưa kể một vài tộc người muốn thay tên gọi. Trước tình hình ấy, từ năm 2001 đến năm 2008, Viện Dân tộc học tiếp tục thực hiện Dự án nghiên cứu nhằm xác định lại một số dân tộc ở Việt Nam, do Khổng Diễn làm Chủ nhiệm. Để triển khai, Dự án thảo luận về tiêu chí và vẫn quyết định sử dụng bộ tiêu chí cũ vì các tiêu chí này còn nguyên giá trị [12]. Dự án đã tiến hành điều tra, xác định 42 nhóm địa phương thuộc 19 dân tộc, kể cả dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh (Việt) trên địa bàn của 23 tỉnh trong cả nước; đồng thời tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm ở Hà Nội và một số địa phương để lấy ý kiến đóng góp. Năm 2008, Dự án được nghiệm thu, song lãnh đạo Viện Hàn lâm

Khoa học xã hội Việt Nam chủ trương chưa công bố kết quả nghiên cứu này. Đến ngày 4 tháng 2 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2356/QĐ-TTg "Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020"; và trong Chương trình này đã giao cho Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, ngành, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện "Xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam"[36].

Để triển khai nhiệm vụ, trước hết Ủy ban Dân tộc kế thừa thành tựu nghiên cứu của Viện Dân tộc học và tiếp tục tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng về xác định lại thành phần dân tộc[5]. Theo đó, ba tiêu chí về xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam trong lần xác định thứ nhất (những năm 19601970) và thứ hai (2001-2008) vẫn được giữ nguyên. Đến nay, Ủy ban Dân tộc đã thực hiện một số hội thảo và khảo sát, nghiên cứu, song Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam vẫn chưa được công bố[6]. Quan điểm của Nguyễn Khánh Toàn (nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội, nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) về vấn đề xác định thành phần dân tộc từ lần thứ nhất đến nay vẫn còn giá trị, theo đó vấn đề không phải chỉ là đưa ra một danh mục, mà còn là góp phần tăng cường đoàn kết dân tộc [10, tr.33-39].

Ở Việt Nam, ngoài khái niệm "dân tộc/tộc người", "dân tộc thiểu số", còn có khái niệm "dân tộc thiểu số rất ít người". Theo Mục 5, Điều 4 của Nghị định về công tác dân tộc, số 05/2011/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, dân tộc thiểu số rất ít người là những dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Thực ra, khái niệm này đã được xác định trong Dự án hỗ trợ phát triển 5 dân tộc thiểu số rất ít người - dưới 1.000 người, giai đoạn 2006-2010 do Chính phủ phê duyệt. Tiếp theo, trong giai đoạn 20102015, với tiêu chí dân số dưới 5.000 người, nước ta có 9 dân tộc thiểu số rất ít người. Còn trong giai đoạn 2016-2025, với tiêu chí dân số dưới 10.000 người, có 16 dân tộc thiểu số rất ít người, gồm: Ơ-đu, Pu Péo, Si La, Rơ-măm, Brâu, Cống, Bố Y, Mảng, Cơ
Lao, La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô. Sau đó, Ủy ban Dân tộc đề nghị không đưa dân tộc Ngái vào "Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025" do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [9], vì tộc người này đã có điều kiện phát triển tốt và lại cư trú phân tán; đồng thời đề nghị bổ sung dân tộc Phù Lá (có 10.944 người) vào danh sách này [11]. Còn khái niệm "dân tộc bản địa" hay "người bản địa" chỉ được sử dụng ở một số công trình khoa học hoặc truyền thông. Trong văn bản pháp quy của Nhà nước, khái niệm đó không được chấp nhận bởi ở Việt Nam chỉ có "dân tộc thiểu số", không có "dân tộc bản địa".

6. Kết luận

Chủng tộc và tộc người là hai vấn đề phức tạp, có sự khác biệt và thay đổi về khái niệm qua thời gian, giữa các quốc gia và vùng địa lý; đồng thời hai vấn đề này cũng có mối quan hệ nhất định và đôi khi khó tách biệt.

Trải qua hàng thế kỷ, khái niệm về chủng tộc đã dịch chuyển từ quan điểm sinh học sang quan điểm xã hội bởi nhận thức và tình

trạng hỗn huyết. Từ phân loại chủng tộc, các nhà khoa học đã chuyển sang giải thích sự khác biệt của các nhóm người. Với sự ra đời của quan điểm chủng tộc xã hội, cái gọi là "chủng tộc" chỉ thuộc quan niệm hoặc dán nhãn, không dựa trên bất kỳ sự phân loại khoa học hay quản lý nào. Hơn nữa, qua chứng minh 94% nhân loại giống nhau về gien hoặc khi xem xét những cá nhân hay cộng đồng đa nguồn gốc, khái niệm chủng tộc theo cách nhìn sinh học truyền thống càng ít sức thuyết phục. Bởi vậy, quan điểm về chủng tộc xã hội không chỉ đáp ứng yêu cầu khoa học, mà còn phục vụ cho cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc.

Tộc người, theo cách nhìn của nhiều nhà khoa học ở Bắc Mỹ, Tây Âu và một số nơi khác, chủ yếu là cộng đồng văn hóa, nhưng có mối quan hệ chung về nguồn gốc, thậm chí có quan hệ về chủng tộc theo cách nhìn truyền thống. Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Lào, Việt Nam và một số nước khác lại cho rằng, tộc người chỉ là cộng đồng văn hóa. Do sự khác biệt quan niệm như vậy, nên có sự khác biệt trong việc phân biệt giữa chủng tộc và tộc người. Để xác định thành phần tộc người hay chủng tộc, phần lớn các nước trên thế giới để người dân tự khai trên cơ sở hướng dẫn của nhà nước. Chỉ ở Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Việt Nam và Lào, nhà nước mới có vai trò quyết định trong xác định thành phần dân tộc.

Tại Việt Nam, không có những tiêu cực về vấn đề chủng tộc. Với tộc người, các khái niệm "dân tộc đa số", "dân tộc thiểu số", "dân tộc thiểu số rất ít người" trở thành phổ biến trong các văn kiện của Nhà nước, trong công trình khoa học và truyền thông. Mặc dù đã đồng ý với *Tuyên ngôn về quyền người bản địa* năm 2007, song Nhà nước không thừa nhận ở Việt Nam có dân tộc bản địa. Nhà nước đã thực hiện cuộc xác định thành phần dân tộc từ 39 năm trước, với 54 tộc người, trong đó tộc người Kinh (Việt) là tộc người đa số, 53 tộc người còn lại là các tộc người thiểu số. Hiện nay, ở Việt Nam cũng đang đặt ra việc xác định lại một số dân tộc hay nhóm địa phương, song để đảm bảo đoàn kết dân tộc, các tổ chức có trách nhiệm vẫn còn thận trọng khi tiến hành.

Chú thích

[2] Trong tiếng Việt, "tộc người" (ethnicity/ethnic group) còn được gọi là "dân tộc". Tuy nhiên, từ "dân tộc" không chỉ hàm nghĩa tộc người mà còn có nghĩa "quốc gia" (nation). Bởi vậy trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu sử dụng khái niệm "tộc người" và chỉ ở mục 4 "Về chủng tộc và tộc người ở Việt Nam", có chỗ chúng tôi mới dùng thuật ngữ "dân tộc" thay cho "tộc người" để phù hợp với ngữ cảnh của Việt Nam.

[3] Trong nội dung điều tra, được phân thành 2 hạng mục là nhân chủng (race) - nhóm 1-5; và tộc người (ethnicity) - nhóm 6-7 [38].

[4] Đây là cách quản lý tài nguyên trong điều kiện "held in trust", tức chỉ được ủy thác, không phải sở hữu. [5] Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Ủy ban Dân tộc đã yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh cung cấp thông tin về nhu cầu cần xác định lại thành phần, tên gọi của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Sau khi có công văn trả lời của các tỉnh, Ủy ban Dân tộc đã tổng hợp các khu vực có nhu cầu xác định lại thành phần, tên gọi của các dân tộc, nhóm dân tộc. Cụ thể như sau: khu vực Tây Bắc gồm có 5 dân tộc và nhóm thuộc dân tộc cần xác định lại; khu vực Đông Bắc gồm có 5 dân tộc và nhóm dân tộc cần xác định lại; khu vực miền Trung gồm 5 dân tộc và nhóm thuộc các dân tộc; khu vực Tây Nguyên gồm 5 dân tộc và nhóm thuộc các

dân tộc; khu vực Đông Nam Bộ gồm 1 nhóm thuộc dân tộc; 11 dân tộc có yêu cầu cần xác định lại tên gọi cho chính xác [9, tr. 57-64].

[6] Theo Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ quyết định (số 2356/QĐ-TTg), nhiệm vụ "Xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số Việt Nam" được triển khai từ năm 2014-2016.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Văn Chính (2016), "Lý thuyết tộc người và những thách thức mới trong nghiên cứu tộc người ở Việt Nam", Tạp chí *Dân tộc học*, số 1&2.

[2] "Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam" (1979), Tạp chí *Dân tộc học*, số 1.

[3] Khổng Diễn (2002), "Về việc xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam", Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.

[4] Bế Viết Đẳng (1973), "Mấy ý kiến về 'công tác xác minh thành phần các dân tộc' ở miền Bắc nước ta hiện nay", *Thông báo Dân tộc học*, số 3.

[5] Bế Viết Đẳng (2006), *Dân tộc học Việt Nam - Định hướng và thành tựu nghiên cứu (19731988)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[6] Lê Sĩ Giáo (Chủ biên) (1995), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[7] Nguyễn Đình Khoa (1976), *Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam (dẫn liệu nhân chủng học)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[8] Lò Giàng Páo (2014), "Cơ cấu dân số và thành phần dân tộc thiểu số ở nước ta", Tạp chí *Dân tộc học*, số 1&2.

[9] Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về "Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025"*, Hà Nội.

[10] Nguyễn Khánh Toàn (1975), "Một vài quan điểm cơ bản cần được quán triệt trong quá trình xây dựng danh mục các dân tộc thiểu số ở miền Bắc nước ta", *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[11] Ủy ban Dân tộc (2015), *Công văn số 1208/UBDT-DTTS của Ủy ban Dân tộc gửi Bộ Thông tin và Truyền thông về "Danh mục các dân tộc rất ít người ở Việt Nam", ngày 30/10*, Hà Nội.

[12] Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học (2002), *Kỷ yếu Hội thảo*: *Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam*, Hà Nội.

[13] Cravens, Hamilton (2010), "What's New in Science and Race since the 1930s?: Anthropologists and Racial Essentialism", *The Historian*, 72 (2).

[14] Farkas, Lilla (2017), *Analysis and comparative review of equality data collection practices in the European Union: Data collection in the field of ethnicity*, EU, Directorate-General for Justice and Consumers.

[15] Ham, Ken & Ware, Charles (2007), *One Race, One Blood: A Biblical Answer to Racism*, Master Books.

[16] Horowitz, D. (1985), *Ethnic Groups in Conflict*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles.

[17] Kottak, Conrad P. (2000), *Anthropology: The Exploration of Human Diversity*, The McGraw-Hill Companies.

[18] Morris, Christopher (Ed), (1992),

"Physiological Race" and "Physiologic Race", in *Academic Press Dictionary of Science and Technology*, Academic Press, San Diego/London.

[19] Mullaney, Thomas S. (2011), *Coming to Terms with the Nation - Ethnic Classification in Modern China*, University of California Press.

[20] Papoutsi, E. (2014), "Minorities under International Law: How protected they are?", Journal of *Social Welfare and Human Rights*, Vol. 2, No. 1.

[21] Petričušić, A (2005), "The Rights of Minorities in International Law: Tracing Developments in Normative Arrangements of International Organizations", in *Croatian International Relations Review*, Vol. 11, No. 38/39.

[22] Pholsena, Vatthana (2002), "Nation/Representation: Ethnic Classification and Mapping Nationhood in Contemporary Laos", *Asian Ethnicity*, V. 3, N. 2, September.

[23] Rieger, R.; Michaelis, A.; Green, M. M. (1968), *A Glossary of Genetics and Cytogenetics: Classical and Molecular*, Springer-Verlag, New York.

[24] Schermerhorn, R. (1970), *Comparative Ethnic Relations*, Random House, New York, p.12. Dẫn theo Ratcliffe, Peter: *Ethnic Group, Sociopedia.isa*, DOI: 10.1177/205684601421, 2014.

[25] Smith, Anthony D. (1991), *National Identity*, Penguin, London

[26] United Nations (1992), *Declaration on the Rights of Persons Belonging to National or Ethnic, Religious and Linguistic Minorities*, Adopted by General Assembly Resolution 47/135.

[27] United Nations Statistics Division (2003), *Ethnicity: A Review of Data Collection and Dissemination*.

[28] Walker, Peter M. B. (Ed) (2004), "Geographic Race", in *Chambers Dictionary of Science and Technology*, Chambers Harrap, Edinburgh/New Delhi.

[29] Wang, Linzhu (2015), "The Identification of Minorities in China", *Asian-Pacific Law & Policy Journal*, Vol 16:2.

[30] Weber, M. (Ed) (1968), *Economy and Society*, University of California Press, Roth G, Wittich C. Berkeley.

[31] Yang, Philip Q. (2000), *Ethnic Studies: Issues and Approaches*, State University of New York Press.

[32] AAA Statement on Race, 2016, http://www.americananthro.org/ConnectWithAAA/ Content.aspx?ItemNumber=2583

[33] Eugene Volokh, *Racial and Ethnic Classifications in American Law*, Hoover Press, Thernstrom DP5 HPTHER1700 08-0101 rev.1, http://www.hoover.org/sites/default/files/uploads/documents/0817998721_309.pdf), truy cập ngày 18/12/2017.

[34] Fussell, Jim (2001), "Group Classification on National ID Cards as a Factor in Genocide and Ethnic Cleansing". Presented on November 15, 2001 to the Seminar Series of the "Race", in *Stanford Encyclopedia of Phylosophy*, 2016, in https://plato.Stanford.edu/entries/race/, truy cập ngày 15/12/2017.

[35] *How Has Ethnic Diversity Grown 1991-20012011?* Prepared by ESRC Centre on Dynamics of Ethnicity (CoDE), December 2012, www.ethnicity.ac.uk, truy cập ngày 22/5/2017.

[36] Quyết định số 2356/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ "Ban hành Chương trình hành động

thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, http://www2.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungchuongtrinhquocgiakhac?docid=2415&substract=&strutsAction=ViewDetailAction.do.

[37] "Race", in *Stanford Encyclopedia of Phylosophy*, 2016, https://plato.stanford.edu/entries/race/, truy cập ngày 22/12/2017.

[38] *Race and Ethnicity Classifications*, http://www.iowadatacenter.org/aboutdata/raceclassification, truy cập ngày 20/5/2017.

[39] "Soviet Union: Ethnic Groups", http://www.voyagesphotosmanu.com/ ethnic _ groups_soviet _union.html, truy cập ngày 18/12/2017.

[40] The United States Census Bureau, https://www.census.gov/topics/population/race/about.html, truy cập ngày 18/12/2017.

[41] United Nations (2007), *Indigenous people*, http://www.un.org/issues/m-indig. html, truy cập ngày 5/7/2017.

[42] United Nations, *International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination*, http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CERD.aspx, truy cập ngày 20/12/2017.

[43] U.S. Department of the Interior, *A Guide to Tracing American Indian & Alaska Native Ancestry*, Office of Public Affairs-Indian Affairs, 1849 C Street, N.W., MS-3658-MIB, Washington, D.C. 20240, 202-208-3710, www.indianaffairs.gov, truy cập ngày 23/5/2017.

[44] Wan, Enoch and Mark Vanderwerf, Mark (2009), *A Review of Literature on Ethnicity, National Identity and Related Missiological Studies*, Published in www.global missiology.org "Featured Articles", truy cập ngày 15/12/2017.

[45] Yale University Genocide Studies Program, Prevent Genocide International, http://www.preventgenocide.org/prevent/removing-facilitating-factors/IDcards/, truy cập ngày 15/12/2017.

[46] Yun Zhou, "Question of Ethnic Group Formulation in the Chinese Census", Department of Sociology, Peking University, Beijing, China, https://iussp.org/ sites/default/files/event, truy cập ngày 18/12/2017.

[1] .

[2] UNEP (2015c), *Building Inclusive Green Economies in Africa: Experience and Lessons Learned from 2010-2015*, Geneva.

[3] UNEP (2016), *Inquiry Working Paper 16/10*, Geneva.

[4] http://www.alcbfund.com/wp content/uploads/2017/05/African-Green-Bond-Market.pdf

[5] http://www.financialstabilityboard.org/wpcontent/uploads/r_130205.pdf?page_moved=1

[6] http://www.imf.org/external/np/pp/eng/2013/012813.pdf

[7] http://www.africaneconomicoutlook.org/fileadmin/uploads/aeo/2014/PDF/Pocket_Edition_AEO2014-EN_mail.pdf

[8] https//www.businesslive.co.za/bd/national/2017-02-22-cape-town-issues-green-bond.

[9] http://www.bis.org/ifc/publ/ifcb33n.pdf

[10] http://www.unep.org/greeneconomy/Portals/88/documents/ger/